ENGLISH 8 - UNIT 6 - FOLK TALES
LESSON 1: GETTING STARTED - PAGE 58

Listen and repeat, then write down new words in your notebook
(Nghe và lặp lại, sau đó chép từ mới ra vở)

New words	Vietnamese meaning
Legend (n) /'ledʒənd/	Truyền thuyết
Folk tale (n) /'fəʊk teɪl/	Truyện dân gian
Fable (n) /'feɪbl/	Truyện ngụ ngôn
Fairy tale (n) /'feri teɪl/	Truyện cổ tích
Origin (n) /'ɔːrɪdʒɪn/	Nguồn gốc
Magic (n) /'mædʒɪk/	Sự huyền thoại
Magical (adj) /'mædʒɪkl/	Có tính huyền thoại
Genre (n) /'ʒɑːnrə/	Loại truyện
Plot (n) /plɒt/	Cốt truyện



LIVEWORKSHEETS

Listen and write down words
(Nghe và viết từ)

Listen	Words
	
	
	
	
	
	

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS